

CÔNG TY ĐIỆN LỰC SƠN LA
PHÒNG ĐIỀU ĐỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Sơn La, ngày tháng năm 2026

**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TUẦN 33
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH TUẦN 34**

I. Thông số vận hành hệ thống :

a. Công suất sản lượng hệ thống

Thông số	A max ngày (MWh)	A min ngày (MWh)	P max ngày (MW)	P min ngày (MW)	A Tuần	A lũy kế	Sản lượng		
							Nhận HT	Nhận TĐ	Nhận ĐMT
Toàn tỉnh	3405,6	3143,8	203,2	92,6	23087,3	670503,6			
Ngành điện	3197,2	2931,2	197,7	81,5	21557,4	645706,7	6967,2	11416,5	1200,8
Tuần 32/2026	2975,2	2781,0	191,9	74,1	20169,7	624149,3	6736,5	10924,9	842,8
SST 33/32	7,5%	5,4%	3,0%	9,9%	6,9%	3,5%	3,4%	4,5%	42,5%
Tuần 33/2025	3080,8	2665,1	190,2	81,8	20322,9	620055,3	7535,7	8776,5	930,6
SS Cùng kỳ	10,5%	18,0%	6,8%	13,2%	6,1%	4,1%	-7,5%	30,1%	0,0%

Công suất sản lượng thủy điện

HTĐ	Chiềng Ngâm		Sơ Vin		Tổng các TĐ nhỏ	
	Tuần	Lũy kế	Tuần	Lũy kế	Tuần	Lũy kế
A tuần (MWh)	308,2	5514,6	290,9	3892,6	20583,8	249859,3
Pmax (MWh)	1,8		2,8		133,9	
P min (MW)	0,9		1,0		76,6	

b. Công suất sản lượng A17.47 Sơ Vin

Tuần	A tuần (MWh)	Amax (MWh)	Amin (MWh)	Pmax(MW)	Pmin(MW)	A lũy kế (MWh)
32	470,4	67,2	67,2	2,8	2,8	3601,7
33	290,9	60,9	26,4	2,8	1,0	3892,6

c. Công suất sản lượng NMTĐ Chiềng Ngâm

Tuần	A tuần (MWh)	Amax (MWh)	Amin (MWh)	Pmax(MW)	Pmin(MW)	A lũy kế (MWh)
32	212,0	45,9	0,0	1,8	0,0	5206,4
33	308,2	45,9	39,2	1,8	0,9	5514,6

II. Cắt điện công tác TUẦN 33

Trong tuần thực hiện 31 công việc, trong đó cắt điện kế hoạch 8 vụ, cắt điện đột xuất 05 vụ, công tác hotline 18 (Chi tiết phụ lục V đính kèm). Cụ thể như sau:

- Công tác 110kV: 01 vụ Kế hoạch.
- Cắt điện trung áp 12 vụ, cụ thể như sau:
 - + Mai Sơn - Yên Châu: 02 vụ kế hoạch, 02 vụ đột xuất.
 - + Mường La: 03 vụ kế hoạch, 01 vụ đột xuất..
 - + Phù Yên - Bắc Yên: 02 vụ đột xuất.
 - + Thuận Châu - Quỳnh Nhai: 02 vụ kế hoạch
- Công tác hotline 18 phiên tại các Điện lực:
 - + Mộc Châu - Vân Hồ: 02 phiên hotline.
 - + Tô Hiệu: 05 phiên hotline.
 - + Phù Yên - Bắc Yên: 04 phiên hotline.
 - + Thuận Châu - Quỳnh Nhai: 02 phiên hotline.
 - + Mai Sơn - Yên Châu: 03 phiên hotline.
 - + Sông Mã - Sốp Cộp: 02 phiên hotline.
- Chuyển phương thức cấp điện: Trong tuần thực hiện 02 vụ chuyển phương thức cấp điện từ các lộ đường dây trung áp khi công tác trên lưới điện 02 vụ đột xuất.

Đơn vị	Thời gian		ĐTC cắt điện kế hoạch		ĐTC CCD Sự cố			ĐTC CCD lưới điện phân phối		
			Saidi	Saifi	Maifi	Saidi	Saifi	Maifi	Saidi	Saifi
Công ty	Tuần	Tuần 33	12,12	0,16	0,68	10,58	0,16	0,16	6,85	0,03
	Tháng	Thực hiện tháng 8	26,26	0,41	1,70	16,81	0,24	0,24	20,72	0,28
		KH tháng 8	379,83	4,80	8,80	78,03	1,18	0,84	68,99	2,04
		So sánh TH/KH %	6,9%	8,5%	19,3%	21,5%	20,2%	28,6%	30,0%	13,7%
		Đánh giá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
	Lũy kế năm	Lũy kế	651,82	4,95	20,58	185,12	2,29	1,86	105,62	0,97
		KH năm	1264,01	15,97	28,51	269,02	3,50	2,25	192,59	4,10
		So sánh TH/KH %	51,6%	31,0%	72,2%	68,8%	65,6%	82,7%	54,8%	23,6%
		Đánh giá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
	Tô Hiệu	Tháng	Thực hiện tháng 8	0,97	0,01	0,31	3,83	0,06	0,28	4,78
KH tháng 8			317,05	1,28	0,44	47,85	0,62	0,28	56,63	0,60
So sánh TH/KH %			0,3%	0,6%	70,9%	8,0%	10,4%	99,6%	8,4%	11,9%
Đánh giá			Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
Lũy kế năm		Lũy kế	468,05	2,35	5,64	53,97	1,20	0,66	113,32	0,66
		KH năm	1014,17	4,11	5,77	97,99	1,52	0,66	186,27	1,30
		So sánh TH/KH %	46,2%	57,1%	97,7%	55,1%	79,1%	100,0%	60,8%	50,5%
		Đánh giá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

III. Lưu ý vận hành TUẦN 34

1. Công tác đảm bảo, ưu tiên cấp điện, thông báo ngừng cấp điện.
2. Công tác giảm suất sự cố và nâng cao độ tin cậy cung cấp điện.

3. Đăng kí cắt điện kế hoạch:

- Cắt điện lưới 110kV: 02 vụ.
 - Cắt điện trung áp 11 vụ, Điện lực Mường La: 02 vụ; ĐL SM-SC: 06 vụ; Điện lực TC-QN: 03 vụ;

Vệ sinh, Thi Công hotline, PD thiết bị, lắp SCV; đấu nối TBA 10 vụ; ĐL PY-BY: 06 vụ; XNLD CT: 04 vụ.

Chi tiết tại phụ lục II đính kèm.

4. Kế hoạch huy động thủy điện nhỏ thuộc quyền điều khiển

Thủy điện	Sản lượng tuần (MWh)	Pmax (MW)	Pmin (MW)
Chiềng Ngâm	302,4	1,8	1,8
A17.7	2217,6	13,2	13,2
A17.8	403,2	2,4	2,4
A17.9	403,2	2,4	2,4
A17.17	122,5	1	0
A17.18	1344	8	8
A17.19	0	0	0
A17.20	2217,6	13,2	7
A17.26	1680	10	10
A17.32	604,8	3,6	3,6
A17.40	672	4	4
A17.42	252	1,5	1,5
A17.43	1188	7,2	3,6
A17.47	352,8	2,8	2
A17.48	1848	11	11
A17.49	537,6	3,2	3,2
A17.51	168	1	1
A17.53	840	5	5
A17.54	1008	6	6
A17.59	2217,6	13,2	13,2
A17.61	2016	12	12
A17.64	672	4	4
Tổng	21067,3	126,5	114,9

IV. THÔNG SỐ VẬN HÀNH ĐƯỜNG DÂY VÀ PHÂN ĐOẠN**1. Thông số các xuất tuyến.**

STT	TRẠM	Đ/D	P(MW) (Có thủy điện)		P(MW) (Phụ tải thực tế)		Q (Mvar)	
			Max	Min	Max	Min	Max	Min
1	E17.1	372	0,5	-6,0	8,0	1,6	0,4	-0,4
		374	3,0	-4,5	10,9	3,1	0,8	-0,4
		376	3,1	1,3	6,7	2,8	0,3	-0,5
		472	0,0	-3,3	5,0	2,7	0,6	-0,5
		474			4,8	1,9	0,5	0,0

		476			5,2	1,7	0,4	-0,6
		478			3,7	1,5	0,6	-0,3
		471			5,0	1,5	0,5	-0,1
		473			2,2	0,6	0,1	0,0
2	E17.2	371			1,5	0,6	0,1	-0,3
		373			8,8	-2,6	-0,3	-2,0
		374			3,2	1,2	0,0	-0,3
		376			0,7	0,0	0,0	0,0
		378			3,0	1,3	-0,7	-1,1
		471			2,1	0,6	0,0	-0,1
		473	4,4	1,6	6,2	3,4	0,0	0,0
		474			1,6	0,5	0,1	-0,1
		476			4,6	2,0	0,0	-0,1
		478			1,2	-4,0	0,7	0,7
3	E17.3	371	-5,5	-12,4	2,2	1,0	0,8	-0,4
		375	-4,0	-6,7	4,5	1,4	0,3	-0,6
		377			2,7	1,1	0,2	-0,2
		379	2,5	-5,7			-0,2	-0,6
		381	-2,8	-4,5			-0,5	-0,8
		373	0,0	0,0			0,0	0,0
		376	0,0	0,0			0,0	0,0
		378	0,0	0,0			0,0	0,0
		673						
4	E17.4	371						
		373			0,1	0,1	0,1	0,0
		375	-2,7	-9,5	6,8	0,5	-0,2	-1,4
		377			5,2	1,8	0,0	-0,5
5	E17.5	371	7,4	1,5	9,2	3,3	0,1	-0,6
		373			2,1	-0,2	-0,4	0,0
		375			3,5	3,5	0,0	-0,5
		471	4,9	-9,3	7,6	2,1	0,4	-1,6
		472			7	3	0,9	-0,3
		372			2,7	1,5	0,2	0,0
6	E17.30	371			1,4	0,7	0,2	0,1
		373	0,0	0,0			0,0	0,0
		375			5,2	1,6	-0,4	-0,9
7	E17.62	371	1,5	-4,5	9,0	3,4	-0,2	-1,8
		373	3,6	0,0	8,1	3,1	0,4	-0,6
		375			2,0	0,0	0,2	-0,1
		471			4,4	-2,2	0,7	-0,5

		473			10,6	2,2	0,8	-0,7
8	E17.66	371			1,5	0,2		
		373			1,1	0,3		
		375			6,1	2,4	0,8	-0,1
9	E17.67	371			0,5	0,2	0,0	-0,1
		373			3,8	1,2	0,1	-0,3
		471			0,4	0,0	0,1	0,0
		473			1,9	0,8	0,0	-0,1
		475			2,1	0,9	0,0	-0,1
		477			2,8	-0,2	-0,4	-0,7

2. Các trạm cắt phân đoạn.

STT	TRẠM	PHÂN ĐOẠN	Giờ cao điểm			Giờ bình thường			Giờ thấp điểm		
			P (KW)	Q (kvar)	Cosφ	P (KW)	Q (kvar)	Cosφ	P (KW)	Q (kvar)	Cosφ
1	E17.1 Mộc Châu	372/92 Chiềng Ve	1181	-17	0,98	630	-67	0,97	316	-75	0,98
		372/104 Bản Chiềng Ve	390	-81	0,96	201	-88	0,86	83	-53	0,74
		372/104 Tân Xuân	378	-119	0,98	325	-89	0,98	237	-50	0,99
		374/63 Phú Khoa	1566	-99	0,99	928	-146	0,96	474	-89	0,99
		374/15A Chiềng Khoa	3373	25	0,98	2291	-123	0,97	1491	-153	0,96
		374/8 Bản Đạo	691	-174	0,97	442	-95	0,93	193	-96	0,81
		374/115 Co Súc	720	-132	0,97	469	-148	0,95	292	-79	0,96
		374/9 Mường Tè	579	-141	0,97	415	-75	0,94	276	-95	0,89
		471/105 Tiểu Khu 9	953	-147	0,96	567	-54	0,99	229	-67	0,97
		472/91 Lóng Luông	1084	-87	0,99	588	-98	0,98	384	-58	0,97
		472/5 Bản Bon	569	-114	0,98	220	-79	0,96	116	-93	0,97
		473/106 Hang Dơi	1616	-158	0,98	1004	-80	0,98	556	-45	0,97
		476/76B Pa Khen	2952	-117	0,98	1865	-94	0,96	798	-121	0,97
		478/3C TK 19/8	2550	-121	0,97	1208	-101	0,95	677	-123	0,98
2	E17.2 Sơn La	378/40 NBMS	3796	107	0,98	3191	148	0,97	2284	109	0,96
		378/43/8 Bản Thẳm	222	-76	0,97	206	-88	0,94	191	-72	0,88

		382/30 NBMS	7694	-81	0,96	5326	-821	0,98	3208	-1247	0,97
		382/52/47 Nà Tre	1679	-154	0,98	1064	-116	0,97	756	-141	0,98
		382/3 Hin Đón	354	-132	0,91	262	-63	0,86	137	-127	0,66
		382/3 Nà Ốt	961	-129	0,99	682	-86	0,96	367	-82	0,96
		471/111 Tiểu Khu 1	3147	-89	0,97	2161	-91	0,99	1105	-81	0,96
3	E17.3 Mường La	371/2 Bản Tin	- 14333	200	0,96	- 14390	246	0,95	- 14176	323	0,96
		371/77 Bản Nong	934	-89	0,99	724	-80	0,97	690	-91	0,98
		371/140 Noong Quang	315	-142	0,96	202	-57	0,9	130	-37	0,85
		375/10 Bản Búng	281	-57	0,94	174	-77	0,76	116	-54	0,51
		375/106/35 Bản Sang	1050	-183	0,97	741	-97	0,97	435	-69	0,96
		375/157 Bản Hụn	710	-137	0,99	505	-90	0,97	358	-78	0,97
		375/184 Sao Va	332	-62	0,89	274	-66	0,86	111	-46	0,67
		375/3 Huổi Phầy	734	-140	0,97	574	-102	0,99	445	-127	0,93
		378/165 Pắc Ngà	482	-109	0,97	341	-153	0,95	195	-121	0,92
		377/28 Hua Nậm	517	-110	0,96	295	-73	0,97	153	-134	0,99
		377/103 Bản Kê	711	-73	0,95	518	-54	0,96	343	-59	0,98
		377/60 Hua Ít	396	-44	0,99	280	-38	0,91	122	-38	0,91
		377/2 Huổi Phăng	1352	-89	0,97	941	-105	0,98	612	-107	0,97
4	E17.4 Thuận Châu	371/6 Bản Hòm	373	-97	0,97	263	-117	0,95	119	-93	0,96
		371/97 Hua Ty	1868	-118	0,96	1076	-90	0,97	959	-65	0,99
		371/126 Nong Vai	1065	-115	0,97	802	-111	0,99	657	-104	0,98
		371/31 Co Mạ	442	-101	0,95	298	-126	0,97	180	-133	0,97
		371/10 Pha Khuông	344	-102	0,98	229	-131	0,92	112	-92	0,98
		373/3 Bình Thuận	361	-126	0,98	258	-137	0,95	124	-110	0,91

		373/142 Pha Lao	2495	-160	0,98	2013	-72	0,96	1091	-91	0,95
		375/64 Ba Nhất	921	-140	0,97	647	-86	0,98	465	-71	0,95
		375/124 Bản Lào	4700	-159	0,97	3617	-141	0,95	1725	-142	0,94
		375/285 Bản Đông	2484	-192	0,97	1930	-99	0,98	1189	-130	0,97
		375/5 Bản Ca	786	-172	0,97	472	-72	0,98	342	-128	0,96
		375/381 Phiêng Lanh	1761	-75	0,97	1243	-99	0,96	816	-128	0,95
		375/480 Bản Cút	744	-177	0,96	466	-167	0,89	259	-175	0,92
		375/4 Co Lúu	343	-110	0,78	215	-132	0,73	157	-96	0,72
		375/4 Hua Cầu	471	-126	0,95	354	-148	0,85	315	-58	0,86
5	E17.5 Phù Yên	371/1 Bản Pa Liên Lạc	2843	-177	0,98	2397	-132	0,97	1857	-116	0,97
		371/128 Suối Nhào	410	-61	0,96	257	-64	0,92	236	-136	0,89
		371/406 Bản Nhèm	331	-81	0,95	226	-102	0,83	162	-94	0,73
		371/1 Đồng Mã	297	-147	0,95	183	-63	0,85	147	-29	0,76
		373/101 Bản Mòn	5126	-209	0,97	4146	-124	0,96	3165	-200	0,97
		373/2 Tiểu Khu 1	289	-134	0,98	262	-86	0,88	186	-71	0,63
		373/107 Xím Vàng	342	-94	0,82	253	-20	0,95	127	-72	0,74
		373/1 Háng Đồng	214	-138	0,93	157	-57	0,82	134	-122	0,56
		373/255 Bản Khoa	672	-84	0,98	416	-64	0,94	258	-90	0,95
		373/221 Suối Song	502	-105	0,95	286	-123	0,83	178	-88	0,81
		373/8 Tiểu Khu 2	1353	-155	0,99	1054	-58	0,97	643	-47	0,97
		373/7 Tả Đồ	409	-105	0,93	343	-115	0,79	234	-78	0,72
		375/124 Bản Ban	2174	-65	0,97	1348	-71	0,98	851	-68	0,97
		375/9 Bơm Nước	434	-67	0,95	260	-100	0,95	256	-62	0,93
		375/453/6 Bản Cải	2298	-100	0,98	1806	-113	0,95	798	-74	0,97
		375/391 Mường Do	1467	-178	0,98	813	-147	0,95	462	-85	0,86

6	E17.30 Sông Mã	371/122 Sôm Pôi	1219	-120	0,98	683	-111	0,93	376	-164	0,85
		371/53/167A Mường Lạn	435	-149	0,97	229	-92	0,84	110	-77	0,62
		371/159 Bản Bánh	410	-117	0,9	211	-146	0,71	122	-59	0,56
		371/5 Bản Khá	364	-68	0,92	212	-103	0,89	143	-77	0,63
		373/4 Bang Búng	302	-159	0,94	214	-86	0,83	200	-66	0,62
		373/108 Nhà Nghịu	4606	-189	0,97	3902	-165	0,96	2856	-107	0,97
		373/2 Phiêng Đồn	2910	-179	0,99	2130	-163	0,98	1628	-114	0,96
		373/1 Bản Nầu	466	-150	0,98	322	-167	0,94	257	-155	0,92
		373/67 Mường Lằm	1132	-163	0,96	689	-158	0,96	493	-120	0,89
		375/152 Bản Nhập	4162	-189	0,97	3342	-150	0,98	2812	-135	0,96
		375/289 Bản Pục	722	-113	0,96	499	-150	0,95	161	-94	0,8
7	E17.62 Mai Sơn	373/77/6 Tĩnh Bột Sấn	1569	-127	0,99	1196	-83	0,96	744	-152	0,97
		375/104/8 Bản Lếch	944	-125	0,99	793	-45	0,97	345	-87	0,93
		375/115/3 Cò Nòi	2099	-162	0,98	1372	-126	0,96	599	-118	0,96
		375/8/21 Nhà Bó	1315	-144	0,98	693	-155	0,97	455	-74	0,96
		375/8/165 Pắc Ngà	478	-107	0,97	295	-41	0,94	175	-20	0,96
8	E17.66 Yên Châu	373/5 Tô Buông	428	-154	0,97	281	-68	0,93	136	-48	0,84
		373/107 Tà Làng 1	2577	-218	0,98	1932	-74	0,97	1236	-141	0,96
		373/3 Hát Sét	343	-106	0,90	174	-110	0,71	147	-78	0,69
		371/4 Ban Đán	1508	-193	0,98	935	-129	0,95	588	-114	0,94
9	E17.67 Sơn La 2	373/68 Phiêng Tam	2177	-142	0,97	1527	-135	0,99	1098	-115	0,96
		373/35/3 Chiềng Cọ	569	-96	0,99	507	-111	0,94	337	-84	0,96
		373/35/3 Chiềng Đen	993	-145	0,96	824	-148	0,98	557	-73	0,97

Phụ lục I
CHI TIẾT CẮT ĐIỆN TRONG TUẦN 33

STT	Công tác	Giờ dự kiến		Giờ thực hiện		Ngày bắt đầu	Đơn vị	Nội dung	Ghi chú
		Bắt đầu	Kết Thúc	Bắt đầu	Kết Thúc				
1	Khóa F79 PĐ 375/157 Bản Hùn - TBA Huổi Tát	8:30	16:00	7:57	11:55	10/8/26	Thuận Châu	Thi công Hotline. Thay 01 bát sứ IIC70 pha A VT 106/177/13/6. VT 106/181	Hotline
2	Khóa F79 PĐ 373/113/64 Nậm Răng - LBS 373-7/113/152 Con Khảm	8:00	17:00	9:28	13:10	10/8/26	Mai Sơn	Thi công Hotline. Thay 01 Bat sứ thủy tinh IIC70 pha A VT 113/123/37. VT 113/132/56 pha A. VT 113/108 pha C.	Hotline
3	Tách đột xuất đ/d sau LBS 373-7/113/152 Con Khảm	11:00	13:00	11:11	13:10	10/8/26	Mai Sơn	Thi công Hotline: đấu lại lèo VT 113/137 và VT 113/142	ĐX
4	Tách Đ/d 381 E17.3 Mường La ÷ DCL 381- 7/65/1 Nà Lồi ÷ CDPT 381-7/85/1 Huổi Phăng ÷ DCL 381-7/150 T10.	11:30	13:00	12:03	15:14	10/8/26	Mường La	Xử lý sự cố đ/d 379 E17.3: Thay 01 chuỗi sứ pha B tại VT 81 kết hợp thay 01 chuỗi sứ pha A đ/d 381 E17.3 bị vỡ (Đ/d 379 & 381 E17.3 đi chung cột)	ĐX
5	Tách Đ/d PĐ 382/3 Nà Ốt từ sau DCL 382- 1/185/172 Két Nà - TBA Huổi Do	12:30	15:30	12:41	17:12	10/8/26	Mai Sơn	Điện lực Mai Sơn - Yên Châu xử lý tháo hạ dây dẫn, bỏ qua cột tại VT 185/221, kéo thẳng dây từ VT 185/220 sang VT 185/222. Do mưa gió bị sạt móng cột có nguy cơ đổ cột đứt dây.	ĐX
6	Khóa F79 PĐ 382/52/47 Nà Tre - Bản Bon	7:30	16:00	8:11	17:13	11/8/26	Tô Hiệu	Thi công Holine: - Lắp xà, Cầu đầu cấp nguồn TBA HKD Lò Văn Phương 250kVA, tại VT 52/65/26. (Đóng điện VH). - Lắp xà, Cầu đầu cấp nguồn TBA HKD Lò Văn Thủy-Thiên 320	Hotline

								kVA tại VT 52/73. (Đóng điện VH).	
7	Tách PD 371/84/2 Hua Ty - TBA Pá Uối	7:30	17:00	7:52	18:05	11/8/26	Thuận Châu	Cải tạo đường dây trung thế từ 2 pha lên 3 pha, nâng cấp MBA 2 pha lên thành MBA 3 pha kèm theo TPP và các thiết bị TBA Nông Cốc A; TBA Há Tàu	KH
8	PD 375/184 Sao Và - TBA Huối Tát	8:30	16:30	8:22	8:51	11/8/26	Thuận Châu	Thi công Hotline: Thay 01 bát sứ IIC70 pha B bị vỡ. Lắp 01 bộ CSV 35kV tại VT 106/190; Thay 01 bát sứ IIC70 pha A bị vỡ tại VT 106/243	Hotline
9	Tách đ/d PD 373/7 Tà Đò từ DCL 373-7/14/1 Suối Sắt - TBA TĐC Suối Sắt	15:00	17:00	15:30	17:00	11/8/26	Phù Yên	Thay MBA TĐC Suối Sắt không đảm bảo vận hành (VT 226/41/20/14/6)	ĐX
10	Tách Đ/d PD 378/40 NBMS từ sau DCL 378-7/65/52 Khu CNMS - TBA Khu công nghiệp Mường Bằng	14:00	17:00	14:06	17:00	11/8/26	Mai Sơn	PV: Trung Tâm DV&HTKT Khu công nghiệp Mai Sơn cầu đầu TBA CBNS Ma Vin Mai Sơn tại VT 65/59 công xuất 1250kVA. (TBA Khách hàng)	KH
11	Tách đ/d PD 37197 Hua Ty - PD 371/126 Nong Vai	6:30	16:30	6:52	18:50	12/8/26	Thuận Châu	Tách lèo VT 115 phục vụ cải tạo đ/d trung áp và thiết bị TBA từ 2 pha lên 3 pha từ VT 110 - TBA Nong Vai N2	KH
12	Khóa F79 MC 375/104/8 Bản Lếch	7:30	16:00	11:18	16:58	12/8/26	Mai Sơn	PV ĐL Mai Sơn thi công hotline đầu nối TBA Trường Nội Trú Liên Cấp Phiêng Pần VT 104/64/2	Hotline
13	Khóa F79 MC 471 E17.5 Phù Yên - Suối Cù	7:30	17:30	7:51	16:39	12/8/26	Phù Yên	PV ĐL Phù Yên vệ sinh hotline từ VT 44-63	Hotline
14	Khóa F79 đ/d 371 E17.66	14:30	15:30	16:11	17:22	12/8/26	Mai Sơn	Thay ngàm dưới FCO TBA Hang Chi đây	Hotline

15	Tách Đ/d PD 375/86 TK 32 từ DCL 375-1/110 Cò Nòi - CDPT 375-7/115/1 Cò Nòi - DCL 371-7/157 Chiềng Đông - DCL 375-7/154/60 Đèo Chẹn. Chuyển PT cấp điện đ/d từ trạm cắt 375-7/73/10 Phú Lương- TC 375/115/3 Cò Nòi nhận điện đ/d 371 E17.66 Yên Châu	5:30	7:00	5:32	6:55	13/8/26	Mai Sơn	ĐL MS- YC: Tách và loại TU đo đếm rang giới tại DCL 371-7/157 Chiềng Đông ra khỏi vận hành do sự cố phóng điện ngày 09/8.	KH
16	Tách Đ/d 377 E17.3 Mường La từ DCL 377-7/33/6B Nậm Păm → VT tách lều 33/52, từ VT tách lều 33/54 → CDPT 377-7/33/67 Bản Bâu (phần đang nhận điện từ đ/d 376 E29.2 Than Uyên)	6:10	8:30	6:08	22:27	13/8/26	Mường La	ĐL Mường La: - Khắc phục sự cố bão lũ tại VT 33/30/1 và VT 33/53: + Dựng 02 cột BTLT 20 (VT 33/30M) giữa khoảng cột 33/30 và 33/31; Lắp đặt 01 bộ xà, 01 bộ DCL kèm phụ kiện tại VT 33/30M; Căng dây lấy độ võng từ VT 33/30M → 33/30/2 và hoàn thiện đầu + Lắp đặt 01 chụp thép 03m; Thay 01 bộ xà phụ tại VT 33/50; Căng dây lấy độ võng từ VT 33/51M → 33/50 và từ VT 33/54M → 33/54, hoàn thiện đầu nối. - Căn chỉnh hành trình đóng cắt DCL 377-1/28 (Hua Nậm) từ 06.00 đến 07.00.	KH
17	Giao MBA T1 E17.30 Sông Mã	6:00	17:00	6:13	0:00	13/8/26	XNLĐ CT	XNLĐ CT: - Tháo dỡ bộ điều áp dưới tải	KH

								(OLTC) hiện hữu, lắp đặt và căn chỉnh bộ OLTC mới theo đúng yêu cầu kỹ thuật của nhà sản xuất. - Kéo rải cáp, đầu nối, cải tạo và hoàn thiện hệ thống mạch nhị thứ điều khiển, bảo vệ, tín hiệu và giám sát của bộ OLTC. - Thực hiện lọc dầu tuần hoàn MBA T1, bảo đảm các chỉ tiêu chất lượng dầu theo quy định trước khi đưa máy biến áp vào vận hành. - Thực hiện thí nghiệm, kiểm tra, hiệu chỉnh các hạng mục của MBA TI và bộ OLTC sau khi lắp đặt.	
18	Khóa F79 đ/d 471 E17.5 Phù Yên	7:30	17:30	7:13	16:14	13/8/26	Phù Yên	Vệ sinh cách điện Hotline: Đ/d 471 từ VT 64 đến VT 83	Hotline
19	Khóa F79 đ/d 472 E17.1 Mộc Châu	7:30	13:00	8:00	13:04	13/8/26	Mộc Châu	Thi công Hotline: Đấu nối & đóng điện cho TBA Công ty IC FOOD (MXD) vào đường dây đang vận hành. Tại VT 61/19/16; Đấu nối đóng điện cho TBA Trạm sạc Vũ Hương (MXD) vào đường dây đang vận hành. Tại VT 20	Hotline
20	Tách đ/d 375 E17.3 Mường La từ DCL 375-7/6/1 Mỏ Cát CS- TBA Mỏ Cát	8:00	11:15	8:07	11:10	13/8/26	Mường La	ĐL Mường La phối hợp khách hàng công tác theo kế hoạch (Phục vụ Khách hàng thay thế TI do đếm bị sự cố)	KH
21	Khóa F79 đ/d 375 E17.30 Sông Mã	7:30	10:30	7:28	10:02	13/8/26	Sông Mã	Thi công hotline: Lắp xà, sứ, căng dây lấy độ võng. Đấu nối cáp điện cho Đ/d và TBA HKD Nguyễn Huy (MXD) vào Đ/d đang vận hành. Tại VT 43	Hotline

22	Khóa F79 PĐ 375/152 Bản Nhạp	13:30	16:00	13:30	15:36	13/8/26	Sông Mã	Thi công hotline: Đấu nối cấp điện cho Đ/d và TBA TR Nội Trú Chiềng Khương (MXD) vào Đ/d đang vận hành. Tại VT 257.	Hotline
23	Khóa F79 đ/d 479 E17.67 Sơn La 2,	6:00	18:30	6:26	17:23	14/8/26	Tô Hiệu	ĐL Tô Hiệu thi công hotline tách lèo VT 103/9/19 nhánh rẽ TBA Đỗ Loan PV khách hàng kiểm tra thiết bị	Hotline
24	Khóa F79 đ/d 372 E17.1 Mộc Châu	7:10	12:30	7:11	12:12	14/8/26	Mộc Châu	Thi công Hotline: - Tách/ đấu lèo 3 pha VT 92/4/4 (NR vào TBA Chiềng Ve 4) PV ĐVTC nâng chụp, lắp xà tại đầu TBA Chiềng Ve 4 VT 92/4/4/1, đấu nối & đóng điện VH TBA Trường Nội trú liên cấp TH & THCS Chiềng Sơn (MXD) vào đường dây đang vận hành tại VT 92/4/4/6 .	Hotline
25	Khóa F79 đ/d 471 E17.5 Phù Yên	7:30	17:30	7:20	16:35	14/8/26	Phù Yên	Vệ sinh cách điện Hotline: Đ/d 471 từ VT 84 đến VT 103	Hotline
26	Khóa F79 đ/d 478 E17.2 Sơn La	7:30	11:30	8:12	12:47	14/8/26	Tô Hiệu	Thi công Holine: Lắp xà, 03 sứ chuỗi và các phụ kiện, Cầu đấu cấp nguồn TBA Nhà máy kính Chiềng Ngần 1500 kVA tại VT 115. (Không đóng điện). Thi công Holine: - Táp lèo CDPT 478-7/74 Nà Ngựa tại VT 74.	Hotline
27	Tách Đ/d 373 E17.5 Từ DCL 373-1/168/10 Tiểu Khu 2 → Tà Xùa - Háng Đồng	12:00	13:30	11:43	12:45	14/8/26	Phù Yên	PV ĐL Phù Yên - Bắc Yên Xử lý ngắn ngừa sự cố tấp lại dây dẫn 35kV bị tưa xước - Tại dây dẫn pha A giữa khoảng cột từ VT 168/30 đến 168/31 Đ/d PĐ	ĐX

								373/168/10 Tiểu Khu 2 lộ 373E17.5 Phù Yên không đảm bảo vận hành.	
28	Khóa F79 Đ/d 471 E17.2 đến LBS 471-7/55 Chiềng Ngần.	13:30	14:30	14:06	14:49	14/8/26	Tô Hiệu	Thi công Holine: - Chuyển hướng khóa dây dẫn đảm bảo khoảng cách dây pha/pha tại VT xuất tuyến 01.	Hotline
29	Khóa F79 PĐ 473/161 Nà Cống	14:30	16:30	15:05	15:32	14/8/26	Tô Hiệu	Thi công Holine xử lý phát nhiệt đầu cực pha C phía nguồn MC 473/1 Hua La tại VT 159/1.	Hotline
30	Khóa F79 ngăn lộ 471E17.5 Phù Yên,	7:30	17:30	7:19	16:42	15/8/26	Phù Yên	ĐL Phù Yên vệ sinh hotline cách điện trên đ/d từ VT 104 - 118 và từ VT 111/1 - 111/4	Hotline
31	Cắt điện ĐX đ/d 377 E17.3 Mường La từ DCL 377-1/28 Hua Nậm - CDPT 377-7/33/67 Bản Bâu	18:30	20:30	18:34	22:27	15/8/26	Mường La	PV ĐL Mường La đấu lèo VT 33/50; 33/58.	ĐX

Phụ lục II
CHI TIẾT KẾ HOẠCH CẮT ĐIỆN TRONG TUẦN 34

STT	Đơn vị công tác	Tên thiết bị, đường dây	Thời gian dự kiến			Nội dung công việc
			Ngày	Từ giờ	Đến giờ	
1	Điện lực Mường La	Tách Đ/d PĐ 377/60 Hua Ít từ DCL 377-1/60 Hua Ít ÷ CDPT 377-7/141 Nà Lòi.	17/8	6.00	17.00	Khắc phục sự cố bảo lũ tại VT 86 và VT 129: - Tháo hạ dây dẫn từ VT 84 ÷ VT 85, từ VT 87 ÷ VT 87/1 và từ VT 87 ÷ VT 88; Lắp đặt 02 chụp thép tại VT 85, VT 87; Căng dây lấy độ võng từ VT 84 ÷ 87/1 ÷ VT 88 và hoàn thiện đấu nối. - Tháo hạ dây dẫn từ VT 127 ÷ VT 130; Thay 02 bộ xà tại VT 128, VT 129; Căng dây lấy độ võng từ VT 127 ÷ VT 130 và hoàn thiện đấu nối.

						- Chính trang 5S các TBA Bản Phiêng, Bản Phiêng 2, Bản Lúa, Bản Lúa 2.
2	Điện lực PY-BY	Đ/d 471 E17.5 Phù Yên → Suối Cù	17/8	07.30	17.30	Vệ sinh cách điện Hotline: Đ/d 471 từ VT VT 104 đến VT 123
3	Điện lực SM-SC	Tách Đ/d 371E 17.30 từ VT tách lều 40 NR - TBA Pá Hốc	17/8	07.30	17.30	Thi công tách lều 3 pha tại VT 40 (NR TBA Pá Hốc) PV: Thay dây dẫn ACSR-70/11 từ VT cột 40 đến cột VT 40/21
4	Điện lực PY-BY	Đ/d 471 E17.5 Phù Yên → Suối Cù	18/8	07.30	17.30	Vệ sinh cách điện Hotline: Đ/d 471 từ VT VT 124 ÷ VT 142 và từ VT 142/1 ÷ 142/4 và từ VT 138/1 ÷ VT 138/5.
5	Điện lực SM-SC	Tách Đ/d PD 375/152 Bản Nhạp từ VT tách lều 153/104 - TBA Huổi Bua	18/8	07.30	17.30	Thi công tách/đầu lều VT 153/104 (NR TBA Huổi Bua) PV: Thay dây dẫn AC 50 bằng dây dẫn ACSR-70/11 từ VT cột 153/104 đến VT cột 153/104/22
6	Điện lực SM-SC	Tách Đ/d PD 375/152 Bản Nhạp từ DCL 375-7/153/82 Phiêng Púng - TBA Huổi Bua	19/8	07.30	16.30	Thi công Thay dây dẫn AC50 bằng dây dẫn ACSR-70/11 từ VT cột 153/93 đến cột 153/104
7	XNLD CT	Ngăn lộ 171, 172 Trạm E17.66 Yên Châu	19/8	13.30	17.30	Vệ sinh cách điện bằng nước áp lực cao
8	Điện lực PY-BY	Đ/d 471 E17.5 Phù Yên → Suối Cù	19/8	07.30	17.30	Vệ sinh cách điện Hotline: Đ/d 471 từ VT VT 144/1 ÷ VT 144/23.
9	XNLD CT	Ngăn lộ 131+ 112; MBAT1 Trạm E17.66 Yên Châu	20/8	7.30	11.30	Vệ sinh cách điện bằng nước áp lực cao
10	Điện lực SM-SC	Tách Đ/d PD 375/152 Bản Nhạp từ VT tách lều 153/74 - TBA Huổi Bua	20/8	07.30	17.30	Thi công tách/đầu lều VT 153/74 (NR TBA Huổi Bua). - Lắp chụp cột tại VT 153/83; 153/87; 153/88, thay xà tại cột 153/86 và 153/94. Kết hợp: Thay dây dẫn AC50 bằng dây dẫn ACSR-70/11 từ VT 153/81 đến VT 153/92.
11	Điện lực PY-BY	Đ/d 471 E17.5 Phù Yên → Suối Cù	20/8	07.30	17.30	Vệ sinh cách điện Hotline: Đ/d 471 từ VT VT 142 ÷ VT 151 và từ 144/24 ÷ 144/27 và từ VT 151/1 ÷ VT 151/3

12	XNLD CT	Đóng điện MBA T1 trạm E17.30 Sông Mã	20/8	15.00	17.00	- Kiểm tra, nghiệm thu kỹ thuật sau sửa chữa, thay thế bộ OLTC; đóng điện MBA T1 đưa vào vận hành.
13	XNLD CT	Ngăn lộ 131; MBA T1; 132; MBA T2 Trạm E17.1 Mộc Châu	21/8	7.30	17.30	Vệ sinh cách điện bằng nước áp lực cao
14	Điện lực PY-BY	Đ/d 471 E17.5 Phù Yên → Suối Cù	21/8	07.30	17.30	Vệ sinh cách điện Hotline: - Đ/d 471 từ VT VT 152 ÷ VT 156; - Đ/d 472 từ VT 156 ÷ VT 159 từ VT 159/1 ÷ VT 159/2 và từ VT 159/2/1 ÷ VT 159/2/7.
15	Điện lực TC-QN	Tách đ/d PĐ 375/4 Hua Cầu từ DCL 375-7/441/141 Bản Phướng - TBA Huổi Pho	21/8	8.00	14.30	Nâng cao khoảng cách pha đất từ VT 441/170 đến VT 441/171
16	Điện lực TC-QN	Tách đ/d PĐ 375/106/35 Bản Sang từ CDPT 375-7/106/35 Bản Sang - TBA Huổi Tát.	22/8	6.30	10.00	Cải tạo đường dây trung thế từ 2 pha lên 3 pha từ VT 106/147 - TBA TBA Bản Nhóc 2 nâng cấp MBA 2 pha lên thành MBA 3 pha kèm theo tủ phân phối và các thiết bị. Kết hợp Thay Đầu cột của LBS 375-7/132/1 Nong Bon, LBS 375-7/134 Bó Mười; LBS 375-7/149/4 Bản Nhóc, thay BU tại LBS 375-7/149/4 Bản Nhóc
17	Điện lực TC-QN	Tách đ/d PĐ 375/157 Bản Hụn - TBA Huổi Tát.	22/8	6.30	15.00	Cải tạo đường dây trung thế từ 2 pha lên 3 pha từ VT 106/162 - TBA Huổi Bú, nâng cấp MBA 2 pha lên thành MBA 3 pha kèm theo tủ phân phối và các thiết bị Kết hợp Thay Đầu cột của các LBS 375-7/159/2 Mường Khiêng; LBS 375-7/177/2 Phấn Cướm; LBS 375-7/13/2 Huổi Pản; LBS 375-7/199/5 Co Phuong; LBS 375-7/106/201 Co Khiết, VSCN Đ/d từ VT 106/177 đến VT 106/253
18	Điện lực SM-SC	Tách Đ/d 375E17.30 từ CDPT 375-7/84 Quyết Tiến đến DCL 375-1/152 Bản Nhạp	22/8	07.10	13.30	Thi công thay dây dẫn không đảm bảo vận hành từ 85 đến VT 86, thay sứ VT 114/7, VT 117, VT 100 Kết hợp: thay sứ VT 114/7, VT 117, VT 100, XLKK Đ/d và tháo ống bọc cách điện tăng cường từ VT 85-VT 150

19	XNLD CT	Ngăn lộ 171; 112; 172 Trạm E17.1 Mộc Châu	22/8	7.30	15.30	Vệ sinh cách điện bằng nước áp lực cao
20	Điện lực PY-BY	Đ/d 471 E17.5 Phù Yên → Suối Cù	22/8	07.30	17.30	Vệ sinh cách điện Hotline: Đ/d 472 từ VT VT 160 ÷ VT 163 và từ 159/4 ÷ 159/22
21	Điện lực Mường La	Tách Đ/d PĐ 375/10 Bản Búng từ DCL 375-1/30/2 Bản Bắc ÷ TBA Bản Buôi.	22/8	7.30	14.00	Khắc phục sự cố bảo lũ tại VT 62/30/5 - Di chuyển tuyến đ/d từ VT 62/30/4 ÷ VT 62/30/6. - Thay CSV đầu TBA Bản Buôi.
22	XNLD CT	Tách ngăn lộ 171, 173, 112, MBAT1, thanh cái C11 trạm E17.2 Sơn La	23/8	6.30	10.00	- Xử lý phát nhiệt kẹp cực MC 171 về phía DCL 171-1, ngâm tiếp xúc DCL 171-1 trạm E17.2 Sơn La
23	Điện lực SM-SC	Đ/d PĐ 373/206 Nậm Ty - từ sau DCL 373-7/264/4 Bản Pàn đến TBA Pá Lành	23/8	07.30	14.00	Dựng cột LT 16 tại VT 264/16 (khắc phục thiên tai), lắp thiết bị đuổi chim tại VT 264/8, VT 264/20.